

**NGHỊ QUYẾT**

**Về thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công  
trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;*

*Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KHTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Văn bản số 5734/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo các Nghị quyết: số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017; số 33/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm từng nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách các cấp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về cơ chế chính sách quản lý tài chính ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 đến hết năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Nam;*

*Xét Tờ trình số 1709/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương của tỉnh Hà Nam với nội dung chủ yếu sau:



## **1. Tổng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025:**

1.1. Trung ương dự kiến: **14.318,228** tỷ đồng.

1.2. Tỉnh dự kiến: **18.213,638** tỷ đồng. Tăng 3.895,410 tỷ đồng (do dự kiến tiền đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất tăng so với trung ương giao 3.895,410 tỷ đồng). Trong đó:

- Tỉnh quản lý: **9.739,599** tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư trong cân đối: **4.052,971** tỷ đồng (Vốn ngân sách tập trung: 2.019,99 tỷ đồng; Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.787,081 tỷ đồng; Xổ số kiến thiết: 74 tỷ đồng; Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 171,9 tỷ đồng); Vốn trung ương hỗ trợ: **5.686,628** tỷ đồng (trong nước: 3.601,828 tỷ đồng, vốn nước ngoài: 2.084,8 tỷ đồng);

- Cấp huyện, cấp xã quản lý: **8.474,039** tỷ đồng, gồm: Vốn ngân sách tập trung: **865,71** tỷ đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất : **7.608,329** tỷ đồng

## **2. Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, nguồn ngân sách trung ương**

**2.1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công:** Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Nam.

**2.2. Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương** (theo phụ lục I văn bản số 419/TTg-KHTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

**2.1.1. Vốn ngân sách trung ương trong nước: 3.601,828 tỷ đồng.** Bố trí cụ thể như sau:

- Bố trí cho 2 dự án trọng điểm liên kết vùng: 1.927 tỷ đồng (Các tuyến giao thông đối ngoại kết nối Quốc lộ 1A, Quốc lộ 21A, đường Ba Sao - Bái Đính (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam): 727 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối đường vành đai 4 - vành đai 5 qua quốc lộ 38 đến đường quốc lộ 21: 1.200 tỷ đồng)

- Bố trí cho 29 dự án đầu tư theo ngành lĩnh vực: số vốn 1.674,828 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí cho 5 dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020: số vốn 92,979 tỷ đồng, trong đó hoàn ứng trước ngân sách trung ương: 75 tỷ đồng.

+ Bố trí cho 11 dự án chuyển tiếp: số vốn 407,049 tỷ đồng, trong đó hoàn ứng trước ngân sách trung ương: 10,728 tỷ đồng.

+ Bố trí cho 4 dự án dừng kỹ thuật: số vốn 65,854 tỷ đồng, trong đó hoàn ứng trước ngân sách trung ương: 30 tỷ đồng.

+ Bố trí cho 9 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: số vốn 1.108,946 tỷ đồng.

### **2.1.2. Vốn ngân sách trung ương nước ngoài**

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, việc bố trí vốn cho các dự án cần phải tuân thủ theo nguyên tắc:

- Đối với dự án chuyển tiếp: Bố trí hết số vốn chưa giải ngân theo nhu cầu còn lại của dự án.

- Đối với dự án khởi công mới: Bố trí theo chủ trương đầu tư dự án đã được phê duyệt.

Tổng số vốn phân bổ: **2.039,874 tỷ đồng**. Trong đó:

- Bố trí cho 3 dự án chuyển tiếp: 262,736 tỷ đồng.

- Bố trí cho 02 dự án khởi công mới: 1.777,138 tỷ đồng.

So với số vốn trung ương giao 2.084,8 tỷ đồng, còn lại 44,926 tỷ đồng sẽ báo cáo Trung ương bố trí cho dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Nam, sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư.

*(Chi tiết theo Biểu kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

- Khi được Chính phủ giao chính thức kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KHĐT, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.



**Lê Thị Thủy**



**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: **19** / **NG-HĐND** ngày **13** tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Nguồn vốn/chương trình	Dự kiến Nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025	Chia ra		Đã giao năm 2021			Còn lại giai đoạn 2022-2025		
			Tỉnh quản lý	Cấp huyện, cấp xã quản lý	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
						Tỉnh quản lý	Huyện xã quản lý		Tỉnh quản lý	Huyện xã quản lý
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG</b>	<b>18.213.638</b>	<b>9.739.599</b>	<b>8.474.039</b>	<b>2.242.545</b>	<b>1.388.967</b>	<b>853.578</b>	<b>15.971.093</b>	<b>8.350.632</b>	<b>7.620.461</b>
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>12.527.010</b>	<b>4.052.971</b>	<b>8.474.039</b>	<b>1.500.828</b>	<b>647.250</b>	<b>853.578</b>	<b>11.026.182</b>	<b>3.405.721</b>	<b>7.620.461</b>
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức (vốn ngân sách tập trung)	2.885.700	2.019.990	865.710	511.928	358.350	153.578	2.373.772	1.661.640	712.132
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9.395.410	1.787.081	7.608.329	800.000	100.000	700.000	8.595.410	1.687.081	6.908.329
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	74.000	74.000		17.000	17.000		57.000	57.000	
4	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	171.900	171.900		171.900	171.900				
<b>II</b>	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ</b>	<b>5.686.628</b>	<b>5.686.628</b>		<b>741.717</b>	<b>741.717</b>		<b>4.944.911</b>	<b>4.944.911</b>	
1	Vốn trong nước (vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực)	3.601.828	3.601.828		581.562	581.562		3.020.266	3.020.266	
2	Vốn nước ngoài	2.084.800	2.084.800		160.155	160.155		1.924.645	1.924.645	

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN CẤP CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	Tổng số	Thành phố Phủ Lý	Thị xã Duy Tiên	Huyện Kim Bảng	Huyện Lý Nhân	Huyện Thanh Liêm	Huyện Bình Lục
	<b>Tổng số</b>	<b>8.474.039</b>	<b>3.039.397</b>	<b>1.988.471</b>	<b>1.256.447</b>	<b>526.519</b>	<b>927.632</b>	<b>735.572</b>
1	Vốn đầu tư NSTT phân cấp	865.710	144.097	138.471	133.877	158.359	135.833	155.072
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.608.329	2.895.300	1.850.000	1.122.570	368.160	791.799	580.500
	<i>Chia ra</i>							
2.1	Ngân sách cấp huyện	6.333.426	2.590.100	1.750.000	748.380	274.080	583.866	387.000
2.2	Ngân sách cấp xã	1.274.903	305.200	100.000	374.190	94.080	207.933	193.500





**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQHĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/chương trình	Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Trong đó: hoàn ứng	Đã giao năm 2021		Còn lại giai đoạn 2022-2025	
				Tổng số	Trong đó hoàn ứng	Tổng số	Trong đó hoàn ứng trước NSTW
	<b>Tổng số</b>	<b>5.686.628</b>	<b>115.728</b>	<b>741.717</b>	<b>85.727</b>	<b>4.944.911</b>	<b>30.000</b>
I	<b>Vốn trong nước (vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực)</b>	<b>3.601.828</b>	<b>115.728</b>	<b>581.562</b>	<b>85.727</b>	<b>3.020.266</b>	<b>30.000</b>
1	Các dự án theo ngành lĩnh vực	1.674.828	115.728	349.562	85.727	1.325.266	30.000
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng	1.927.000	0	232.000	0	1.695.000	
2.1	Dự án ĐT XD công trình HTKT Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam						
	<i>Trong đó:</i> Các tuyến giao thông đối ngoại kết nối QL 1A, QL 21 A, đường Ba Sao Bái Đình (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc)	727.000		227.000		500.000	
2.2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường vành đai 4 - vành đai 5 qua QL 38 đến đường QL 21 huyện Kim Bảng	1.200.000		5.000		1.195.000	
II	<b>Vốn nước ngoài</b>	<b>2.084.800</b>		<b>160.155</b>		<b>1.924.645</b>	

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Biểu mẫu kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Nam)*

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 (*)		Dự kiến kế hoạch 2021 - 2025			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: Vốn NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS tỉnh					NS huyện	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước
	TỔNG SỐ				17.245.959	7.101.938	3.611.127	308.954	2.880.142	2.044.155	4.861.060	160.728	3.601.828	115.728		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				240.000	70.000	170.000	0	134.729	60.000	62.000	0	10.000	0		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 -2025															
I	Hà tầng kỹ thuật thiết yếu giai đoạn II Khu Đại học Nam Cao	Duy Tiên, Phú Lý	2016-2020	1372/QĐ-UBND ngày 18/7/2019; 271/UBND-GT XD ngày 29/1/2021	240.000	70.000	170.000		134.729	60.000	62.000		10.000			
II	Y tế, dân số và gia đình				185.885	100.000	85.885	0	85.000	30.000	70.000	0	70.000	0		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 -2025															
1	Dự án cải tạo, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phủ Lý	2019-2022	2253/QĐ-UBND 03/11/2020	123.338	70.000	53.338		60.000	20.000	50.000	0	50.000			
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	Phủ Lý	2019-2022	2252/QĐ-UBND 3/11/2020	62.547	30.000	32.547		25.000	10.000	20.000	0	20.000			
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				2.315.389	1.614.658	469.090	71.954	591.471	536.847	1.192.164	75.728	830.469	75.728		
a	Dự án hoàn thành															
1	Tu bổ nâng cấp hệ thống mô hàn Nguyễn Lý và hệ thống kè mô hàn Chương Xá thuộc huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam	Lý Nhân	2011-2020	1090/QĐ-UBND ngày 8/9/2011	159.835	143.820			144.150	129.150	15.000	15.000	15.000	15.000		
2	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Phú Phúc	Lý Nhân	2016-2020	1225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 1836/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	85.519	56.662	28.857		36.850	36.850	17.979	0	17.979			
3	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở đê Hữu sông Hồng từ km 141,14 đến km 143,74	Lý Nhân	2011	932/QĐ-UBND ngày 03/8/2011	70.319	63.287			58.287	58.287	5.000	5.000	5.000	5.000		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 (*)		Dự kiến kế hoạch 2021 - 2025			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: Vốn NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Trong đó				Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước
4	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn từ mô 2 đến mô 3, từ mô 5 kè Nguyễn Lý đến đầu kè lát mái Chương Xá và đoạn từ mô hân số 4 kè Chương Xá đến hết kè Vũ Điện, huyện Lý Nhân	Lý Nhân	2011-2013	1270a/QĐ-UBND ngày 21/10/2011	175.030	163.635			160.000		15.000	15.000	15.000	15.000
b	Dự án dùng kỹ thuật													
1	Cải tạo, nâng cấp đê bổi Chuyền Ngoại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Duy Tiên	2020-2021	1251/QĐ-UBND Ngày 21/10/2015; 1157/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; 805/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	194.489	161.540			10.000		21.854	0	21.854	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Mộc Nam huyện Duy Tiên	Duy Tiên	2016-2020	QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 24/10/2016; 1154/QĐ-UBND ngày 21/6/2019	102.295	10.000			7.000		3.000	0	3.000	
3	Xử lý khẩn cấp chống sạt lở kè, đê bao bảo vệ bổi, đê hữu Hồng thuộc xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân (Giai đoạn I)	Lý Nhân	2013-2018	476/QĐ-UBND ngày 08/5/2013	219.268	219.268			82.050		30.000	30.000	30.000	30.000
c	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025													
1	Nạo vét, KCH kênh tiêu KN12A, KT10, KB8, KB4, Trạm bơm Nhâm Trảng, Cổ Đam	Thanh Liêm	2019-2022	Số 1307/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Số 2237/QĐ-UBND ngày 02/11/2020	173.769	100.000	73.769		23.000	15.000	150.000	0	85.000	
2	Xử lý khẩn cấp chống sạt lở, cải tạo nâng cấp kênh I4-4 và một số công trình tưới tiêu trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Duy Tiên	2012-2021	Số 475/QĐ-UBND ngày 8/5/2013; 2654/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; 75/UBND-NN&PTNT ngày 11/1/2021	275.981	77.500	198.481		48.810	48.810	98.690	10.728	28.690	10.728
3	Nạo vét, gia cố kênh dẫn trạm bơm Đình Xá thành phố Phủ Lý	Phủ Lý	2019-2022	Số 1128/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; Số 2362/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	80.342	50.000	30.342		18.424	10.000	60.000	0	40.000	
d	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025													



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Lấy kế số vốn đã bố trí từ khới công đến hết năm 2020 (*)		Dự kiến kế hoạch 2021 - 2025			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số				Trong đó: Vốn NSTW			
					NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số				Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số			Trong đó: Thu hồi ứng trước			
1	Dự án Nạo vét, kiên cổ hóa kênh A3-4 kết hợp làm đường giao thông thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	Phù Lý, Kim Bảng	2021-2024	2372/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	91.000	56.000	35.000		200	0	90.800	0	56.000						
2	Dự án Nạo vét, kiên cổ hóa kênh BH8 tỉnh Hà Nam	Phù Lý, Thanh Liêm	2021-2024	NQ20/NQ-HBND ngày 10/6/2020	80.497	60.000	20.497		300	0	80.197	0	60.000						
3	Cải tạo, kiên cổ hóa kênh, kết hợp nâng cấp đường bờ kênh Chính Tây huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Bình Lục	2022-2025	NQ 24/NQ-HBND ngày 10/6/2020;NQ số 25/NQ-HBND ngày 13/7/2021 QĐ CTĐT	95.708	80.000	15.708		600	0	95.108	0	80.000						
4	Cải tạo, nâng cấp kiên cổ hóa kênh CG5 huyện Bình Lục	Bình Lục	2021-2024	NQ 23/NQ-HBND ngày 10/6/2020;NQ số 26/NQ-HBND ngày 13/13/7/2021 QĐ CTĐT	154.613	112.946	18.713	22.954	500	0	154.113	0	112.946						
5	Nạo vét, kiên cổ hóa kênh, kết hợp cải tạo, nâng cấp đường bờ kênh Tân Hòa thuộc địa phận 2 xã Tiểu Động, An Lão huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Bình Lục	2021-2024	NQ 27/NQ-HBND ngày 10/6/2020; NQ số 24/NQ-HBND ngày 13/7/2021 QĐ CTĐT	169.999	120.000	29.999	20.000	700	0	169.299	0	120.000						
6	Cải tạo, nâng cấp, kiên cổ hóa kênh CG2, CG4 huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.	Lý Nhân	2021-2023	NQ 05/NQ-HBND ngày 25/3/2020; NQ số 27/NQ-HBND ngày 13/7/2021	186.724	140.000	17.724	29.000	600	0	186.124	0	140.000						
IV	Giao thông				2.945.420	1.920.000	738.146	237.000	230.476	72.813	2.659.537	45.000	1.842.000	0					
a	Dự án đường kỹ thuật																		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Văn Xá đi Lê Hồ	Kim Bảng	2019-2020	Số 1944/QĐ-UBND ngày 18/9/2019	80.106	30.000			14.100	14.000	11.000	0	11.000						
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 -2025																		
1	Đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, GB 3	Duy Tiên, Phú lý	2019-2022	458/QĐ-UBND ngày 18/4/2011;2238/QĐ-UBND ngày 30/11/2018; 2280/QĐ-UBND 6/11/2020	250.000	70.000	180.000		183.863	30.000	66.137	0	40.000						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 (')		Dự kiến kế hoạch 2021 - 2025				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: Vốn NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó								Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
						NSTW	NS tỉnh									
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 492 đoạn từ Đập Phức (km4) đến ngã ba Cảnh Diễm (km13) trên địa bàn huyện Lý Nhân	Lý Nhân	2019-2020	457/QĐ-UBND 25/3/2016; 2216/QĐ-UBND ngày 24/10/2019; 911/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	80.184	35.000	45.016	14.813	14.813	0	65.000	20.000				
3	Nâng cấp cải tạo đường ĐH.04 huyện Bình Lục	Bình Lục	2019-2022	1161/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; 2254/QĐ-UBND ngày 3/11/2020	80.130	45.000	35.130	17.100	14.000	0	63.000	31.000				
c	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 -2025										0	0				
1	Dự án ĐTXD tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (từ đoạn giao QL21 đến đường ĐT.499B), huyện Thanh Liêm	Thanh Liêm	2021-2024	2370/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	360.000	200.000	135.000	600		0	359.400	200.000				
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ nút giao QL38B đến khu vực quy hoạch cảng Yên Lệnh thuộc địa bàn thị xã Duy Tiên	Duy Tiên	2021-2024	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 10/6/2020; NQ số 22/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 QĐ CTĐT	130.000	73.000	47.000	10.000	0		130.000	45.000	73.000			
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ QL38 (khu quy hoạch Trung tâm hành chính thị xã Duy Tiên) đến đê sông Hồng thuộc địa bàn thị xã Duy Tiên	Duy Tiên	2021-2024	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 10/6/2020; NQ số 23/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 QĐ CTĐT	469.000	267.000	0	202.000	0		469.000	0	267.000			
4	Dự án trọng điểm, có tính liên kết vùng								0							
	Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường vành đai 4 - vành đai 5 qua QL 38 đến đường QL 21 huyện Kim Bảng	Kim Bảng	2022-2025	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 QĐ CTĐT	1.496.000	1.200.000	296.000	0	0		1.496.000	0	1.200.000			
V	Du lịch				11.279.726	3.257.600	2.148.006	0	1.838.466	1.344.495	837.359	809.359	0			
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 -2025															
1	Hạ tầng khu du lịch chùa Bà Đanh	Kim Bảng	2019-2022	2251/QĐ-UBND ngày 3/11/2020	93.886	50.000	43.886	32.741	17.641	0	60.359	32.359				



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Lấy kế số vốn đã bố trí từ khi có công đến hết năm 2020 (*)		Dự kiến kế hoạch 2021 - 2025			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Tổng số		Trong đó: Vốn NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						Trong đó: NSTW	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
						NSTW	NS tỉnh	NS huyện								
2	Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	Kim Bảng	2009-2022	927/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; 500/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2720/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	5.592.920	1.603.800	1.052.060	0	1.805.725	1.326.854	50.000		50.000			
b	Dự án trọng điểm, có tính liên kết vùng, đường ven biển															
1	Các tuyến giao thông đối ngoại kết nối Quốc lộ 1 A, Quốc lộ 21 A, đường Ba Sao -Bãi Đình (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam)	Kim Bảng	2009-2022	số 927/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; số 500/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; số 2720/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	5.592.920	1.603.800	1.052.060				727.000	0	727.000			
VI	Công trình công cộng tại các đô thị				279.539	139.680	0	0	0	0	40.000	40.000	40.000	40.000		
a	Dự án hoàn thành															
1	Dự án các đô thị loại vừa - Tiểu dự án thành phố Phủ Lý	Phủ Lý	2012-2017	1218/QĐ-UBND 12/10/2011	279.539	139.680					40.000	40.000	40.000	40.000		

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRƯNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NƯỚC NGOÀI**  
(VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI)  
(Biểu mẫu kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQHĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng																		
STT		Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư											Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025	
				TMĐT														
				Trong đó:														
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài				Vốn nước ngoài							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại	Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại				
	Tổng số	4.248.307	879.138	33.000	845.770	3.369.169	2.193.365	1.175.805	108.224	61.045	2.039.874	1.095.359						
I	Dự án chuyển tiếp		1.203.107	360.558	33.000	327.558	842.549	416.227	426.323	108.224	61.045	262.736	345.877					
1	Dự án phát triển đô thị Phú Lý (phần bổ sung)	số 409/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	732.312	153.772	33.000	120.772	578.540	231.421	347.120	49.726	35.974	181.695	311.146					
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	1684/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016	86.854	14.815	0	14.815	72.039	50.427	21.612	7.651	3.279	38.776	16.618					
3	Dự án đầu tư mở rộng trường Cao đẳng nghề	629/QĐ-UBND ngày 26/6/2014	383.941	191.971	0	191.971	191.970	134.379	57.591	50.847	21.792	42.265	18.113					
II	Dự án khởi công mới		3.045.200	518.580	0	518.212	2.526.620	1.777.138	749.482	0	0	1.777.138	749.482					
1	Dự án tăng cường môi trường đầu tư tỉnh Hà Nam	143/QĐ-TTg ngày 21/1/2020 phê duyệt điều chỉnh CTĐT	2.990.000	506.000		506.000	2.484.000	1.738.800	745.200			1.738.800	745.200					
2	Dự án tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Hà Nam(dự án thành phần 13)	937/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	55.200	12.580		12.212	42.620	38.338	4.282			38.338	4.282					